

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HS-ST

Ngày 04-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Diễn.

- Bà Nguyễn Thị Đoan.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 24/02/2022 đối với:

Bị cáo: Đào Văn Qu; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

Sinh ngày 03/3/1992 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên bố: Đào Văn Đ, sinh năm 1970; Họ và tên mẹ: Vũ Thị H, sinh năm 1970; Vợ: Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1997 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 213/QĐ-XPHC ngày 14/12/2021 của Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe của người khác*”, chưa thi hành; Bị bắt tạm giam ngày 29/9/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị hại: Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ1, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(*Tại phiên tòa có mặt bị cáo, bị hại có đơn xin xử án vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Đào Văn Qu và chị Bùi Thị H1 có thời gian cùng làm việc tại Công ty thép đặc biệt S, địa chỉ tại thị trấn A1, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Trong khoảng thời gian này, mặc dù đều có gia đình riêng nhưng giữa Qu và chị H1 nảy sinh tình cảm sau đó đã quan hệ tình dục với nhau một lần. Chị H1 có chuyển khoản cho Qu vay số tiền 6.700.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Qu và chị H1 thường liên lạc với nhau qua điện thoại và qua ứng dụng Facebook, Messenger. Thỉnh thoảng chị H1 có gọi điện video call với Qu khi đang tắm, không mặc quần áo thì Qu sử dụng điện thoại lưu lại những hình ảnh, video nhạy cảm của chị H1, khi chị H1 hỏi thì Qu nói để giữ làm kỷ niệm. Đến khoảng tháng 7/2020 Qu bị công ty cho thôi việc, từ đó chị H1 và Qu không liên lạc. Đến giữa tháng 9/2021, Qu liên lạc với chị H1, bày tỏ ý định muốn được nối lại tình cảm nhưng chị H1 không đồng ý. Lúc này do đang cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Qu nảy sinh ý định sử dụng những hình ảnh, video nhạy cảm của chị H1 để đe dọa, uy hiếp, nhằm mục đích buộc chị H1 phải lo sợ và đưa tiền cho Qu. Từ ý định đó, Qu sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu đen của Qu gửi cho chị H1 một số hình ảnh, video nhạy cảm và đề nghị chị H1 phải lựa chọn hoặc là quan hệ tình dục với Qu, hoặc là đưa cho Qu số tiền 30.000.000 đồng, nếu không thì sẽ gửi những hình ảnh nhạy cảm đó cho gia đình, bạn bè của chị H1 biết. Chị H1 lo sợ nên đồng ý đưa tiền cho Qu nhưng do chưa thu xếp đủ tiền nên ngày 21/9/2021, chị H1 đã chuyển khoản trước cho Qu số tiền 15.000.000 đồng theo như yêu cầu của Qu. Đến sáng ngày 22/9/2021, Qu tiếp tục yêu cầu chị H1 chuyển nốt số tiền còn lại nên chị H1 tiếp tục chuyển khoản số tiền 8.000.000 đồng vào tài khoản của Qu như lần trước. Đến sáng ngày 23/9/2021, Qu đề nghị gặp chị H1 tại nhà nghỉ C ở thị trấn A1 để quan hệ tình dục và nhận nốt số tiền 7.000.000 đồng còn lại, tuy nhiên chị H1 chỉ đồng ý gặp để chuyển tiền và chứng kiến việc Qu xóa hình ảnh, video nhạy cảm trong điện thoại. Sau đó, chị H1 và anh X, sinh năm 1987 (quốc tịch Trung Quốc), là cán bộ phụ trách công tác điều động sản xuất trong Công ty thép đặc biệt S cùng đến nhà nghỉ C gặp Qu. Thấy vậy Qu không đồng ý nói chuyện và bỏ sang bên đường, đối diện nhà nghỉ thì chị H1 đi theo còn anh X ngồi chờ ở nhà nghỉ. Lúc này, chị H1 đã chuyển số tiền 7.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho Qu như những lần trước và chứng kiến Qu xóa những hình ảnh, video nhạy cảm lưu trong chiếc điện thoại của Qu rồi cùng ra về. Số tiền chiếm đoạt được của chị H1, một mình Qu đã chi tiêu cá nhân hết. Đến sáng ngày 24/9/2021, Qu kiểm tra điện thoại thì thấy các hình ảnh, video nhạy cảm của chị H1 vẫn còn lưu trong máy. Lúc này Qu nghĩ chị H1 đã để cho người thứ ba biết chuyện nên cảm thấy bức mình và gọi điện cho chị H1 nhưng không gặp. Đến sáng ngày 25/9/2021, Qu nhắn tin đến số điện thoại của anh Bùi Gia Đ2, sinh năm 1990, trú tại Thôn D, xã Đ1, huyện Q, tỉnh Thái Bình, là chồng chị H1 với nội dung là Qu có thứ muốn cho anh Đ2 xem nhưng Qu vẫn chưa gửi gì cho anh Đ2. Sau đó, Qu chuyển đoạn hội thoại giữa Qu và anh Đ2 cho chị H1 biết. Chị H1 hiểu mục đích của Qu muốn chị H1 tiếp tục phải đưa tiền cho Qu nên hỏi: “*Bây giờ muốn như thế nào thì cứ nói*” thì Qu trả lời: “*Từ 10 triệu đến 20 triệu, tùy bà chọn*”. Chị H1 nói: “*Thôi, tôi đưa nốt 20 triệu,*

đây là lần cuối” và hẹn gặp nhau ở cầu V thuộc địa phận xã A2, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhưng đến chiều cùng ngày, Qu không đến gặp chị H1.

Ngày 25/9/2021, chị H1 có đơn tố giác hành vi của Qu gửi Công an huyện Quỳnh Phụ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đã triệu tập Qu đến trụ sở làm việc. Tại đây, Qu đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị H1 như trên đồng thời tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, lắp sim số 0396.917.992 cho Cơ quan điều tra quản lý. Chị H1 cũng tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh để phục vụ điều tra.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSQP ngày 20/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Qu về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Qu về tội: “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Qu từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 29/9/2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen của bị cáo Qu để hóa giá nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0396.917.992. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, hòa nhập cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Qu đã khai nhận toàn bộ hành vi dùng hình ảnh nhạy cảm của chị H1 lưu trong điện thoại nhằm mục đích khống chế, uy hiếp về tinh thần, buộc chị H1 phải nhiều lần giao tiền cho bị cáo vào các ngày 21/9/2021; 22/9/2021; 23/9/2021 và 25/9/2021. Số tiền bị cáo nhằm chiếm đoạt của chị H1 là 50.000.000 đồng. Mục đích cưỡng đoạt để thỏa mãn tiêu xài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp

với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và còn được chứng minh bằng các tài liệu như: Biên bản làm việc về việc mở và kiểm tra điện thoại; Biên bản vụ việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 25/9/2021; 26/9/2021; 22/10/2021 và ngày 04/11/2021 tại Công an huyện Quỳnh Phụ; Các tài liệu photo ảnh chụp từ màn hình điện thoại; Công văn phúc đáp số 1265/2021/TBH/TCB ngày 01/10/2021 và Sổ phụ kèm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng Thương mại cổ phần K Việt Nam ; lời khai của người làm chứng anh Bùi Gia Đ2 và anh X; cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đào Văn Qu và chị Bùi Thị H1 từng có thời gian quan hệ tình cảm với nhau. Từ ngày 21/9/2021 đến ngày 25/9/2021, bị cáo Qu đã có hành vi sử dụng những hình ảnh, video nhạy cảm của chị H1 để đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm mục đích chiếm đoạt của chị H1 số tiền 50.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ.

Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tội Cưỡng đoạt tài sản:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;*
- d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân nơi bị cáo phạm tội. Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Xâm hại đến sức khỏe của người khác*”. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, coi thường pháp luật, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Vì vậy Hội đồng xét xử cần phải lên một mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại số tiền

đã chiếm đoạt; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì vậy cần áp dụng các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Về tình tiết tăng nặng, trong quá trình phạm tội, bị cáo đã nhiều lần chiếm đoạt số tiền của bị hại, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”, chưa thi hành, đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình.

[5] Về quyết định hình phạt: Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và bảo đảm mục đích hình phạt nói chung.

[6] Đối với số tiền 20.000.000 đồng bị cáo nhằm mục đích chiếm đoạt vào ngày 25/9/2021, qua điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận số tiền trên là do bị cáo ấn định buộc chị H1 phải đưa. Thời gian chiều ngày 25/9/2021 cả bị cáo và chị H1 đều đến điểm hẹn để bị cáo nhận tiền. Việc bị cáo chưa nhận được số tiền 20.000.000 đồng là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Vì vậy bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này.

Đối với số tiền 6.700.000 đồng chị H1 cho bị cáo Qu vay là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án nên chị H1 không yêu cầu giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt của chị H1 số tiền 30.000.000 đồng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi hoàn, chị H1 đã nhận đủ số tiền trên và không có bất kỳ yêu cầu nào khác nên về phần trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra quản lý của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, lắp sim số 0396.917.992 thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Do bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động và tịch thu tiêu hủy chiếc sim điện thoại là phù hợp với Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Văn Qu phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Văn Qu 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam 29/9/2021.

2. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.*

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen; tịch thu tiêu hủy chiếc sim số 0396.917.992 . “*Vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao vật chứng giữa Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 20/12/2021 và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý*”

3. Về án phí: *Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.* Bị cáo Qu phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- CQ THAHS-Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Đức